

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG
Số: 1696 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Nông, ngày 17 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất tre ép, công suất 12.600 m³ gỗ thành phẩm/năm của Công ty Cổ phần vật liệu bền vững Việt Nam tại thôn 5, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất tre ép, công suất 12.600 m³ gỗ thành phẩm/năm của Công ty Cổ phần vật liệu bền vững Việt Nam tại thôn 5, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông họp ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất tre ép tại thôn 5, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn số 1609/22/VSM ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Công ty Cổ phần vật liệu bền vững Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 241/TTr-STNMT ngày 11 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất tre ép (sau đây gọi là Dự án),

công suất 12.600 m³ gỗ thành phẩm/năm của Công ty Cổ phần vật liệu bền vững Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn 5, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường là một trong các căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án được quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường công khai Quyết định này trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, tích hợp cơ sở dữ liệu về đánh giá tác động môi trường vào cơ sở dữ liệu môi trường; phối hợp với UBND huyện Tuy Đức thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Yêu cầu UBND huyện Tuy Đức trong quá trình quy hoạch bố trí các dự án, khu dân cư, ... phải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nhà máy, đồng thời phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần vật liệu bền vững Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- UBND xã Quảng Trục;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, NNTNMT(N).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trọng Yên



PHỤ LỤC:
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất tre ép, công suất 12.600 m³ gỗ thành phẩm/năm của Công ty Cổ phần vật liệu bền vững Việt Nam tại thôn 5, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông

(Kèm theo Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất tre ép.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần vật liệu bền vững Việt Nam.
- Người đại diện: Ông Lê Quốc Lâm.
- Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Địa chỉ liên hệ: Thôn 5, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.
- Điện thoại: 028.6271.3896.
- Địa điểm thực hiện dự án: Thôn 5, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.
- Khu đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ khép góc như sau:

Điểm	Tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trực 108 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰		Điểm	Tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trực 108 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1352171,00	379208,90	30	1352431,21	379742,81
2	1352236,99	379225,38	31	1352410,66	379756,97
3	1352278,24	379276,21	32	1352398,70	379769,40
4	1352312,95	379302,49	33	1352377,22	379791,35
5	1352364,51	379316,22	34	1352348,69	379821,02
6	1352422,94	379369,80	35	1352339,24	379784,27
7	1352456,60	379362,21	36	1352194,51	379763,93
8	1352490,87	379350,28	37	1352127,72	379735,25
9	1352502,26	379343,20	38	1352071,38	379679,13
10	1352516,12	379340,53	39	1352001,53	379764,55
11	1352547,88	379336,04	40	1351876,44	379664,53
12	1352567,64	379342,30	41	1351820,04	379623,72



Điểm	Tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trục 108 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰		Điểm	Tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trục 108 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
13	1352594,75	379349,11	42	1351816,76	379603,76
14	1352630,92	379353,93	43	1351793,03	379571,66
15	1352631,75	379374,75	44	1351790,32	379567,22
16	1352638,02	379378,93	45	1351610,25	379706,53
17	1352625,42	379451,66	46	1351611,67	379692,45
18	1352641,36	379453,47	47	1351613,09	379678,37
19	1352647,71	379458,05	48	1351612,31	379667,01
20	1352689,59	379460,44	49	1351774,57	379541,47
21	1352704,03	379472,33	50	1351766,66	379528,54
22	1352737,16	379471,10	51	1351757,23	379515,79
23	1352756,70	379473,78	52	1351766,02	379418,85
24	1352797,67	379510,85	53	1351782,62	379391,24
25	1352727,50	379625,52	54	1351760,49	379349,53
26	1352683,74	379643,99	55	1351738,15	379311,62
27	1352651,01	379661,17	56	1351933,37	379290,00
28	1352571,66	379699,78	57	1352017,01	379252,86
29	1352518,95	379716,28	1	1352171,00	379208,90

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất tre ép tại thôn 5, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông gồm các hoạt động xây dựng các công trình nhà xưởng và vận hành dây chuyền sản xuất, chế biến gỗ tre ép.

- Quy mô: Tổng diện tích đất đề xuất thực hiện dự án là 40,195 ha.

- Công suất: 12.600 m³ gỗ thành phẩm/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

Dự án sử dụng công nghệ ép nóng và ép nguội để tạo ra các sản phẩm là gỗ từ nguồn nguyên liệu tre. Sơ đồ công nghệ sản xuất của dự án như sau:

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

TT	Hạng mục	Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I. Công trình chính				14.008	3,485
1	Xưởng sơ chế			4.562	1,135
1.1	Xưởng Cắt	48	22	1.056	0,263
1.2	Xưởng Bào Dập	44	22	968	0,241
1.3	Xưởng Sấy 1	60	40,7	2.442	0,608
1.4	Xưởng Cơ điện	9	6	54	0,013
1.5	Kho Hóa Chất	7	6	42	0,010
2	Xưởng Tinh chế			5.057	1,258
2.1	Xưởng Sấy 2	31	29	899	0,224
2.2	Xưởng Ép Khối	60,5	44	2.662	0,662
2.3	Xưởng Cưa Xẻ	38	22	836	0,208
2.4	Kho Sản phẩm	30	22	660	0,164
3	Sân nguyên liệu			4.389	1,092
3.1	Sân nguyên liệu 1	38,5	48	1.848	0,460
3.2	Sân nguyên liệu 2	60,5	42	2.541	0,632
II. Công trình phụ trợ				381.953	95,025
1	Khu phụ trợ			378.580	94,185
1.1	Trạm điện	4	4	16	0,004
1.2	Phòng điện	4	9	36	0,009
1.3	Trạm bơm PCCC	4	6	24	0,006
1.4	Nhà lò hơi	15	49	735	0,183

TT	Hạng mục	Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1.5	Sân đường nội bộ			9.823	2,444
1.6	Diện tích cây xanh			377.769	93,98
2	Khu phục vụ			3.373	0,861
2.1	Căng tin	11	24	264	0,066
2.2	Nhà xe	11	36	396	0,099
2.3	Hành lang	4	62	248	0,062
2.4	Văn phòng	12	22	264	0,066
2.5	Nhà bảo vệ 1	4	5	20	0,005
2.6	Trạm xăng	4	5	20	0,005
2.7	Trạm cân	4	18	72	0,018
2.8	Nhà bảo vệ 2	3	3	9	0,002
2.9	Nhà ở công nhân	6	160	960	0,239
2.10	Nhà ở nhân viên	8	80	640	0,159
2.11	Nhà ở cán bộ	15	32	480	0,119
III. Công trình bảo vệ môi trường				595	0,114
1	Khu WC1	11	4	44	0,011
2	Khu WC2	11	4	44	0,011
3	Bể nước cấp	11,1	9	100,0	0,025
4	Hệ thống xử lý nước thải	12,5	24	300	0,075
5	Tháp hút bụi 1	4	8,5	34	0,008
6	Tháp hút bụi 2	3	11	33	0,008
7	Kho chứa CTR sinh hoạt	2,6	6,0	15	0,003

TT	Hạng mục	Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
8	Kho chứa CTNH	2,6	6,0	15	0,003
9	Kho chứa tro xỉ	6	2,1	12,6	0,003
10	Hồ sự cố môi trường	18,4	25	460	0,114
11	Hồ hoàn thiện A, B			9.080	2,258
IV. Tổng diện tích xây dựng				14.358	3,572
1	Diện tích lô đất			401.950	100,00
1.1	Diện tích xây dựng			14.358	3,57
1.2	Diện tích sân đường			9.823	2,44
1.3	Diện tích cây xanh			377.769	93,98

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Khu vực dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phía Tây sát ranh giới khu đất thực hiện dự án có công trình thủy lợi hồ Đắc Zên phục vụ nước sản xuất nông nghiệp cho người dân trên địa bàn. Vì thế khi dự án đi vào hoạt động, nước thải phát sinh sẽ được xử lý đạt chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT- Cột B và tái sử dụng cho mục đích tưới cây trong khu vực dự án, dự án không xả nước thải vào nguồn nước, vào công trình thủy lợi hồ Đắc Zên.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện	Công nghệ/cách thức thực hiện	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
	- Các phương tiện vận chuyển nhiên, nguyên vật liệu.	- Trong suốt thời gian thi công.	- Phương tiện vận chuyển vật liệu (xe tải, xe cuốc,...).	- Môi trường không khí như: Bụi, độ ồn, SO ₂ , NO _x , CO, CO ₂ , THC.

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện	Công nghệ/cách thức thực hiện	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
<i>Thi công, xây dựng</i>	- Xây dựng các hạng mục công trình của dự án.	- Trong suốt thời gian thi công.	- Hoạt động đào, lấp đất. - Hoạt động trộn hồ, sàng cát, trét bột sơn tường,... - Thi công gia nhiệt (làm đường,...).	- Môi trường không khí như: Bụi, độ ồn, SO ₂ , NO _x , CO, CO ₂ ,... - Chất thải rắn xây dựng. - Chất thải nguy hại như: thùng sơn thải, giẻ lau dính dầu, que hàn thải,...
	- Lắp đặt thiết bị, máy móc.	- Trong suốt thời gian lắp đặt.	- Bố trí và lắp đặt đúng theo bản vẽ và đúng quy trình.	- Ô nhiễm nhiệt, không khí và phát sinh tiếng ồn, rung. - Chất thải rắn: bao bì đóng gói thiết bị.
	- Công nhân xây dựng.	- Trong suốt thời gian thi công.	- Ăn uống, tắm giặt, vệ sinh,...	- Môi trường nước . - Môi trường đất và không khí. - Chất thải rắn sinh hoạt - Nước thải sinh hoạt.
<i>Vận hành</i>	- Vận chuyển hóa chất, nguyên liệu.	- Suốt thời gian vận hành.	- Xe chở hóa chất, nguyên liệu,...	- Ô nhiễm không khí như: Bụi, độ ồn, H ₂ S, SO ₂ , NO _x , CO, CO ₂ . - Nguy cơ tai nạn giao thông.
	- Vận hành lò hơi đốt Biomass	- Suốt thời gian vận hành.	- Sử dụng lò hơi đốt Biomass.	- Phát sinh bụi, khí thải - Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải của lò hơi. - Nước thải từ hệ thống xử lý nước cấp lò hơi.
	- Vận hành hệ thống dây chuyền sản xuất.	- Suốt thời gian vận hành.	- Hệ thống máy móc sản xuất.	- Sinh ra bụi, khí thải, nhiệt, mùi hôi. - Nước thải sản xuất. - Chất thải rắn sản xuất
	- Sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên.	- Suốt thời gian vận hành.	- Ăn uống, tắm giặt, vệ sinh,....	- Ô nhiễm môi trường nước. - Ô nhiễm môi trường đất và không khí. - Nước thải sinh hoạt. - Chất thải rắn sinh hoạt.
	- Vận hành hệ thống xử lý nước thải, xử bụi, khí thải.	- Suốt thời gian vận hành.	- Sử dụng thiết bị xử lý nước thải, bụi, khí thải.	- Ô nhiễm nhiệt. - Ô nhiễm môi trường nước, đất và không khí.

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện	Công nghệ/cách thức thực hiện	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
	Các nội dung khác	- Suốt thời gian vận hành.		- Rủi ro sự cố môi trường -
<i>Các tác động môi trường khác</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro sự cố môi trường - Tác động từ khai thác và sử dụng nước ngầm - Tác động đến hạ tầng giao thông tại khu vực dự án - Tác động đến kinh tế - xã hội 			

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a) Tác động đến môi trường không khí

- *Bụi, khí thải*: Phát sinh từ hoạt động san nền, đào móng, làm đường nội bộ, vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng nhà xưởng,...

- Tính chất: Thành phần gồm bụi và các khí thải (SO_2 , NO_x , CO, CO_2 ,...).

- Phạm vi ảnh hưởng: Tại vị trí phạm vi dự án và trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu. Đối tượng chịu ảnh hưởng chủ yếu là công nhân thi công trên công trường và người dân hai bên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu đến dự án.

b) Nước thải

- *Nước thải sinh hoạt*: Phát sinh do nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của công nhân trong khu vực công trường xây dựng. Ước tính $11,25 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Tính chất: Thành phần ô nhiễm đặc trưng như TSS, BOD_5 , COD, N, P, Coliform,...

- *Nước thải xây dựng*: Phát sinh từ quá trình rửa thiết bị dụng cụ, máy móc thi công, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu của dự án. Ước tính $7 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Tính chất: Thành phần ô nhiễm đặc trưng như cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn cuốn theo các tạp chất đất đá và cặn bẩn gây ra tình trạng tắc nghẽn hệ thống thoát nước hiện hữu của khu vực, gây nên các vấn đề về an toàn vệ sinh và mỹ quan khu vực. Ước tính lưu lượng nước mưa chảy tràn mùa mưa lớn nhất khoảng $1.447 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

3.1.2. Giai đoạn vận hành

a) Tác động đến môi trường không khí

- Nguồn phát sinh đến môi trường không khí như sau:

+ Bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất, vận chuyển, công đoạn bào đập nguyên liệu và cưa xẻ thành phẩm với lưu lượng lần lượt là: 17.780 m³/h và 15.230 m³/h.

+ Bụi và khí thải phát sinh từ lò hơi với lưu lượng là 27.360 m³/h.

+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông.

+ Bụi và khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

+ Mùi phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân như hoạt động đun nấu phục vụ ăn uống, khu vực nhà vệ sinh, khu vực tập trung rác thải và khu vực hệ thống xử lý nước thải.

- Tính chất: Thông số ô nhiễm đặc trưng như bụi, CO, CO_x, SO_x, NO_x,...

b) Nước thải

- *Nước thải sinh hoạt*: Phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh, nhà căng tin. Ước tính 107.2 m³/ngày. Tính chất: Thành phần ô nhiễm đặc trưng như TSS, BOD₅, COD, N, P, Coliform,...

- *Nước thải sản xuất*: Phát sinh từ các quá trình như: Quá trình hấp tre trong lò hấp, quá trình vệ sinh khu vực hấp tre, quá trình xử lý khí thải lò hơi, quá trình xử lý nước cấp lò hơi. Ước tính lưu lượng khoảng 331 m³/ngày. Tính chất: Thành phần ô nhiễm đặc trưng như COD, BOD, TSS, tổng N, tổng P,...

- *Nước mưa chảy tràn*: Ước tính lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất khoảng 1.881 m³/ngày.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a) Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng, thành phần: Thực phẩm, rau quả dư thừa, túi nilon, giấy, vỏ lon, vỏ hộp, chai lọ,... Khối lượng ước tính khoảng 50 kg/ngày.

b) Chất thải rắn thông thường: Phát sinh từ hoạt động xây dựng các hạng mục công trình, thành phần bao gồm các loại như: đá, cát thừa, xi măng, sắt vụn, bao bì, cù tràm hỏng,... Khối lượng ước tính khoảng 150 kg/ngày.

c) Chất thải nguy hại: Phát sinh ở các khu lán trại, điểm vệ sinh máy móc thiết bị thi công dọc trên tuyến đường bao gồm: Giẻ lau, giấy có chứa dầu mỡ phát sinh trong quá trình lau chùi. Khối lượng ước tính khoảng 7 kg/tháng.

3.2.2. Giai đoạn vận hành

a) Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh bao gồm: thực phẩm, rau quả dư thừa, túi nilon, giấy, vỏ lon, vỏ hộp, chai lọ phát sinh từ khu nhà ăn và từ các hoạt động sinh hoạt khác. Khối lượng ước tính khoảng 350 kg/ngày.

b) Chất thải rắn thông thường: Phát sinh từ các phế thải từ gỗ tre, bụi từ quá trình hút bụi sản xuất, tro xỉ từ quá trình đốt lò hơi. Khối lượng ước tính khoảng 31,1 tấn/ngày.

c) Chất thải nguy hại: Phát sinh gồm keo PF, chất hấp thụ, vật liệu lọc, bóng đèn huỳnh quang, dầu nhớt, thiết bị văn phòng có thành phần nguy hại, bùn từ hệ thống xử lý nước thải,... Khối lượng ước tính khoảng 3.640 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ các phương tiện cơ giới vận, vận chuyển hàng hóa vật tư; các máy móc thiết bị thi công. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

b) Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị; từ các phương tiện vận tải dùng để vận chuyển nguyên, nhiên liệu và sản phẩm. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng: Tác động từ hoạt động khai thác nước ngầm; tác động cộng đồng, kinh tế - xã hội; sự cố (tai nạn lao động; tai nạn giao thông; ngập úng; rò rỉ, tràn dầu nhớt và hóa chất; sạt lở, sụt lún; cháy nổ; sét đánh;...).

3.4.2. Giai đoạn vận hành: Tác động về kinh tế - xã hội; tác động từ hoạt động dự trữ, bảo quản nguyên liệu sản xuất; sự cố (rò rỉ hóa chất; cháy nổ; tai nạn lao động; sạt lở, xói mòn; sự cố hệ thống cấp hơi, lò hơi; sự cố hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải;...).

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Tiến hành xây dựng trước các nhà vệ sinh, bể tự hoại, bể nước sạch 30 m³ để phục vụ giai đoạn thi công, xây dựng.

- Nước thải xây dựng: Nước thải xây dựng → Thu gom qua bể tách mỡ 2 ngăn → Thu gom đưa vào mương, rãnh thoát nước tạm thời tại công trường xây dựng → Nguồn tiếp nhận (Ao nước trong khu vực dự án).

- Công trình thu gom, thoát nước mưa: Dự án sẽ xây dựng rãnh thoát nước mưa tạm thời rộng 500 mm, sâu 500 – 1500 mm để phục vụ giai đoạn thi công, xây dựng. Sau đó, nước mưa thoát theo địa hình về suối nhỏ trong khu vực Dự án.

b) Giai đoạn vận hành

**Công trình thu gom nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất:*

- *Nước thải sinh hoạt:* Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý trước bằng các bể tự hoại ba ngăn trước khi tự chảy theo chênh lệch độ cao về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng hệ thống ống uPVC kín. Nước thải từ căn tin lẫn dầu mỡ được dẫn qua ngăn lược rác và ngăn tách mỡ để xử lý sơ bộ trước khi tự

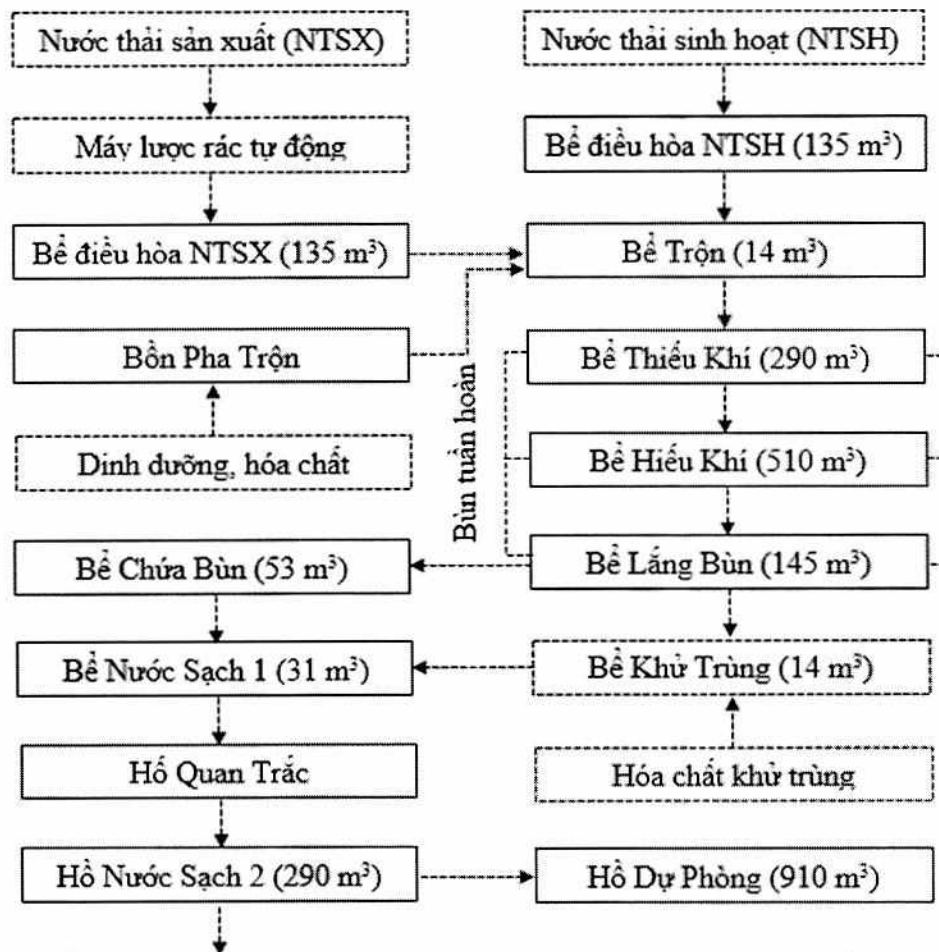
chảy theo chênh lệch độ cao về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng hệ thống ống uPVC kín.

- *Nước thải sản xuất:* Được thu gom từ các nguồn phát sinh tự chảy theo chênh lệch độ cao về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng hệ thống ống uPVC kín. Nước thải sản xuất lẫn với bụi mùn cưa, dăm bào và các loại rác này có thể làm nhiên liệu đốt cho lò hơi. Vì vậy, bố trí một hệ thống máy lược rác chuyên dụng, có thể lược rác và làm khô rác để sử dụng cho việc đốt lò. Máy lược rác được đặt tại một hố BTCT (DxRxC=3,0x1,5x4,5m) để xử lý sơ bộ nước thải, trước khi nước thải chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

***Công trình xử lý nước thải:**

- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 450 m³/ngày.đêm để xử lý chung nước thải sinh hoạt và sản xuất.

- Công nghệ xử lý:



* Nước thải sau xử lý (Hố nước sạch 2) được tái sử dụng vào hệ thống tưới cây xanh nếu dư sẽ đưa về hồ hoàn thiện A, B (40.600 m³) dự trữ.

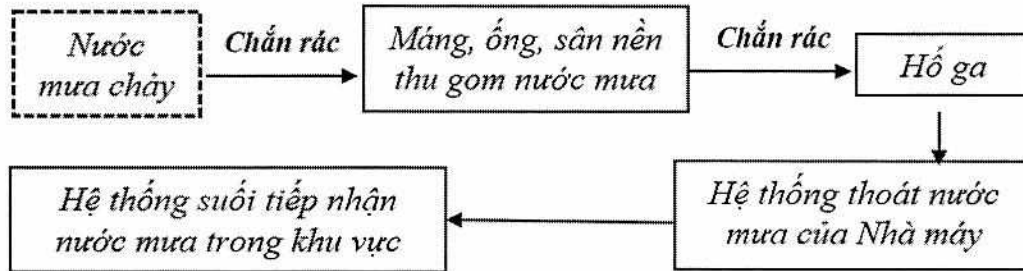
Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung 450m³/ngày.đêm

- Quy chuẩn so sánh: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT- cột B, K_f = 1,1, K_q = 0,6.

***Công trình thu gom, thoát nước mưa:**

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải, khu vực sân bãi và khu hành lang được tráng bê tông tạo độ dốc cần thiết để nước mưa thoát nhanh.

- Nước mưa được dẫn qua song chắn rác tại các hố ga thu nước mưa trước khi vào hệ thống đường ống thoát nước mưa của dự án rồi đầu nối vào suối tự nhiên của khu vực dự án.



Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

***Biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình thi công, xây dựng:**

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hóa các thao tác.
- Tại khu vực thi công, che chắn các khu vực phát sinh bụi, nhằm hạn chế bụi phát tán bụi vào các khu vực xung quanh dự án. Thường xuyên phun nước khu vực thi công, hạn chế bụi từ dưới đất bị gió cuốn lên và phát tán vào môi trường không khí xung quanh.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như găng tay, khẩu trang, nón bảo hộ,...

- Các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu (đất, cát, đá, xi măng,...) và xà bần phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi.

- Bố trí hợp lý tuyến đường và thời gian xe vận chuyển và đi lại, phân luồng giao thông nội bộ trong khu vực dự án. Xe chở vật liệu xây dựng phải có tấm phủ trên thùng chứa.

- Kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật.

- Việc lưu trữ vật liệu xây dựng: Xi măng được tập kết và bảo quản tại kho chứa, cát được bảo quản ngoài trời có bạt che mưa và chống phát tán bụi,

các loại đá, gạch,... ít phát sinh bụi được để ngoài trời, không cần chế độ bảo quản.

- Vệ sinh khu vực dự án sau cuối mỗi ngày làm việc.

- Trang bị mặt nạ bảo hộ, khẩu trang cho công nhân hàn, thực hiện hàn thiết bị trong khu vực thông thoáng.

- Trang bị đồ bảo hộ cho công nhân trong quá trình phun sơn, vệ sinh, bảo dưỡng các thiết bị phun sơn.

****Biện pháp giảm thiểu khí thải từ phương tiện vận chuyển:***

- Sử dụng phương tiện vận chuyển và máy móc thi công hiện đại, vừa đảm bảo kỹ thuật thi công, vừa an toàn cho người sử dụng và bảo vệ môi trường.

- Phải thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng, dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm.

- Áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hoá, vận hành với tối ưu hoá các quá trình thi công.

- Những ngày nắng nóng gắt, Nhà thầu xây dựng chủ động cho thi công sớm hơn vào buổi sáng và trễ hơn vào buổi trưa, bố trí lán trại tạm để công nhân nghỉ trưa, thường xuyên tưới nước trên mặt đường và trang bị bao hộ cho công nhân như quần áo, nón bảo hộ,...

b) Giai đoạn hoạt động

****Giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình tiếp nhận và vận chuyển nguyên liệu sản phẩm:***

- Bụi phát sinh trong công đoạn bốc dỡ nguyên liệu xuống xe và sản phẩm lên xe, nguồn phát sinh này chủ yếu là gây ô nhiễm cục bộ. Biện pháp chủ yếu là trang bị khẩu trang y tế cho các công nhân lao động. Đối với bụi rơi vãi, bố trí cho công nhân vệ sinh lau dọn và hút bụi sau mỗi ca làm việc.

- Khu vực đường nội bộ thường xuyên được làm vệ sinh và phun nước tưới ẩm vừa làm giảm bụi, vừa làm giảm bức xạ nhiệt từ mặt đường vào mùa khô.

- Trồng nhiều cây nông nghiệp, cây xanh giúp tăng độ che phủ và góp phần giảm thiểu bụi, khí thải đối với khu vực dự án và môi trường lân cận.

****Xử lý bụi sản xuất phát sinh từ công đoạn bào đập nguyên liệu:***

- Nhà máy sử dụng 01 hệ thống quạt hút và tháp cyclone ngưng bụi cho xưởng bào đập công suất: 24.000 m³/h.

- Bụi thu hồi sẽ được đưa về làm nhiên liệu đốt cho lò hơi.

- Công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải.

- Quy chuẩn so sánh: Khí thải sau khi đi qua hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - cột B; $K_p = 0,9$; $K_v = 1,4$.

****Xử lý bụi sản xuất phát sinh từ công đoạn cưa xẻ thành phẩm:***

- Nhà máy sử dụng 01 hệ thống quạt hút và tháp cyclone ngưng bụi cho xưởng cưa xẻ công suất: 18.000 m³/h.

- Bụi thu hồi sẽ được đưa về làm nhiên liệu đốt cho lò hơi.

- Công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải.

- Quy chuẩn so sánh: Khí thải sau khi đi qua hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT- cột B; $K_p = 0,9$; $K_v = 1,4$.

****Xử lý bụi, khí thải lò hơi:***

- Nhà máy trang bị 01 hệ thống xử lý khí thải hoàn chỉnh, công suất: 28.500 m³/h.

- Công nghệ xử lý: Khí thải → Cyclone chum tách bụi → Tháp hấp thụ bụi → Bể hấp thụ bụi ướt → Ống khói.

- Quy chuẩn so sánh: Khí thải sau khi đi qua hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT- cột B; $K_p = 0,9$; $K_v = 1,4$.

****Giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông:***

- Các phương tiện giao thông ra vào nhà máy phải chấp hành đúng các quy định của nhà máy về giờ giấc, chất lượng,... Bên cạnh đó phải được bảo trì và bảo dưỡng định kỳ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Mặt khác cần sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Vệ sinh tưới nước đường nội bộ sạch sẽ, sửa chữa ngay các tuyến đường nội bộ ngay khi phát hiện thấy hư hỏng.

****Giảm thiểu mùi phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân như hoạt động đun nấu phục vụ ăn uống, khu vực nhà vệ sinh, khu vực tập trung rác thải và khu vực hệ thống xử lý nước thải:***

- Bố trí công nhân dọn dẹp nhà vệ sinh, phun thuốc diệt muỗi, khử mùi hàng ngày.

- Nhà ăn được xây dựng cao ráo và thông thoáng.

- Rác được chứa trong các thùng chứa rác có nắp đậy, tránh cho ruồi muỗi phát triển và mùi hôi thoát ra gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh.

- Hệ thống xử lý nước thải được bảo dưỡng định kỳ. Đồng thời hệ thống xử lý nước thải được vận hành đúng quy trình, được giám sát đầy đủ. Khi có dấu hiệu phát sinh mùi hôi, Chủ dự án lên phương án xử lý kịp thời.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

***Chất thải rắn sinh hoạt:** Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và tập trung vào các thùng chứa 100 lít, chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn thi công xây dựng sẽ được đưa về khu vực tập kết tạm thời trong khu vực dự án; Chủ dự án thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Đối với chất thải thực phẩm nếu trong trường hợp không thể tận dụng để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi sẽ chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Chất thải rắn sinh hoạt khác được thu gom, chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

***Chất thải rắn xây dựng:** Các loại chất thải rắn xây dựng phát sinh được chứa trong kho chứa và gờ bao xung quanh để tránh tình trạng bị cuốn theo nước mưa gây tắc nghẽn dòng chảy và gây ô nhiễm môi trường:

- Các loại chất thải rắn như đất, cát, đá được thu gom liên tục trong quá trình xây dựng và tận dụng để san lấp mặt bằng.

- Các loại coffa, sắt, thép được tái sử dụng hoàn toàn.

- Trong trường hợp lượng chất thải rắn thi công quá nhiều được chủ thầu thi công xây dựng chịu trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi nơi khác xử lý.

- Các loại bao bì chứa vật liệu xây dựng: được thu gom tập trung và bán cho các cơ sở có nhu cầu tái chế, cơ sở thu mua phế liệu.

b) Giai đoạn vận hành

***Chất thải rắn sinh hoạt:** Bố trí các thùng rác tại các nơi phát sinh như khu vực văn phòng, căn tin,... bố trí công nhân thu gom 01 lần/ngày và đưa về nhà tập kết chất thải rắn thải sinh hoạt có diện tích 15 m², thường xuyên vệ sinh, phun khử mùi khu vực nhà tập kết chất thải rắn sinh hoạt. Chủ dự án thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định, gồm: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Đối với chất thải thực phẩm nếu trong trường hợp không thể tận dụng để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi sẽ chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Chất thải rắn sinh hoạt khác được thu gom, chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

***Chất thải rắn sản xuất thông thường:** Các phế thải từ tre, bụi gỗ từ quá trình hút bụi sản xuất được thu gom 01 lần/ngày để làm nguyên liệu đốt cho lò hơi. Tro xỉ được thu gom chứa trong kho có diện tích 12 m² và làm nguồn phân bón cho cây trồng trong khu vực dự án.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Đối với chất thải nguy hại được tập trung và chứa trong các thùng kín có dán nhãn và lưu trong kho chứa chất thải. Kho chứa chất thải được bố trí tạm thời, diện tích 8 m². Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại để xử lý.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại thu gom, lưu giữ ở kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 15 m².

- Kích thước: L x B = 2,6 m x 6,0 m.

- Kho chứa chất thải nguy hại có biển cảnh báo, vận chuyển và xử lý đúng kỹ thuật, không để rò rỉ, phát tán ra môi trường. Chủ dự án thu gom và quản lý theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các loại xe chở vật liệu phải tuân thủ các quy định hiện hành về tình trạng kỹ thuật xe, chở đúng tải trọng thiết kế để hạn chế tối đa mức độ ồn và rung do việc vận chuyển gây ra.

- Các máy móc thiết bị thi công thường xuyên được bảo trì, tra dầu mỡ và thay thế kịp thời các bộ phận bị mòn vẹt để máy luôn ở tình trạng tốt khi hoạt động.

- Nhà thầu bố trí các hoạt động của các phương tiện thi công một cách phù hợp: các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn như máy khoan, máy đào... không hoạt động trong khoảng thời gian từ 18h – 6h sáng hôm sau, giờ ăn và nghỉ trưa.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Bảo trì thiết bị, máy móc định kỳ là một trong những cách hạn chế ô nhiễm tiếng ồn hữu hiệu nhất.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động như nút bịt tai cho công nhân tại các phân xưởng có độ ồn cao.

- Bố trí thiết bị, quy trình sản xuất một cách hợp lý trong cùng một phân xưởng.

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ, bôi trơn dầu mỡ máy móc, thiết bị sản xuất, các chân đế của thiết bị phải có bộ phận chống rung.

- Xây dựng tường cách âm, hút âm cho các động cơ có công suất lớn.

- Vỏ cách âm và buồng cách âm (bao kín tất cả các thiết bị sinh ra tiếng ồn).

- Màn chắn tiếng ồn (được đặt giữa nguồn ồn và vị trí cần bảo vệ).

- Thiết kế các bộ phận giảm âm tại các máy móc có khả năng gây ồn.

- Lắp đệm chống ồn cho chân máy nén khí.

- Cách ly các nguồn gây ồn ra vị trí riêng biệt. Đúc móng máy đủ khối lượng (bê tông mác cao), tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền.

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay thế những chi tiết hư hỏng.

4.4. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, các công trình, biện pháp khác theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Chương trình quản lý môi trường

- Tổ chức thi công hợp lý hạn chế tối đa các ảnh hưởng đến môi trường.
- Xây dựng nội quy an toàn lao động, trang bị đủ phương tiện bảo hộ cho công nhân.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm chính và phối hợp với đơn vị thi công giải quyết các vấn đề về môi trường liên quan đến dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.

- Tổ chức quản lý, giám sát các hoạt động thi công xây dựng của dự án như; hoạt động san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án, công tác vận tải,...đảm bảo an toàn môi trường trong suốt thời gian thi công.

5.1.2. Chương trình giám sát môi trường

a) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Kiểm soát, theo dõi các nguồn phát sinh, thành phần, khối lượng và biện pháp thu gom, xử lý đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn trong quá trình thi công xây dựng và chất thải nguy hại.

- Vị trí giám sát: Tại khu vực thi công xây dựng.

- Giám sát định kỳ: Giám sát liên tục trong suốt giai đoạn thi công xây dựng.

b) Giám sát khác

- Ngoài việc giám sát các chất thải phát sinh thì chủ dự án còn giám sát an toàn sụt lún, sạt lở đất đá khi thi công xây dựng, giám sát tại những vị trí thi công có nguy cơ gây sạt lở để đảm bảo an toàn lao động trong suốt quá trình thi công xây dựng của dự án.

- Giám sát các hoạt động thi công xây dựng của dự án, công tác vận chuyển cung cấp nguyên vật liệu, tiến độ thực hiện dự án.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Chương trình quản lý môi trường

- Bố trí nhân sự phụ trách có chuyên môn về môi trường, quản lý việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức đào tạo về an toàn và môi trường; tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường của Nhà nước cũng như những quy định của tỉnh về công tác bảo vệ môi trường.

- Giám sát hiệu suất xử lý hệ thống xử lý nước thải, khí thải.

- Lập kế hoạch giám sát môi trường cho khu vực dự án.

- Xây dựng, thiết lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường.

- Theo dõi, lưu trữ kết quả các hoạt động có liên quan đến an toàn môi trường của dự án, thường xuyên xem xét, kiểm tra lại hiệu quả của kế hoạch quản lý môi trường và chỉnh sửa lại kế hoạch khi cần thiết.

5.2.2. Chương trình giám sát môi trường

a) Giám sát khí thải sau hệ thống lọc bụi từ công đoạn bào đập nguyên liệu

- Thông số chọn lọc: Lưu lượng, Bụi.

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại ống thoát khí thải xưởng bào đập nguyên liệu.

- Toạ độ: X = 379570,21 m; Y = 1354146,02 m.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT-cột B; $K_p = 0,9$; $K_v = 1,4$.

b) Giám sát khí thải sau hệ thống lọc bụi từ công đoạn cưa xẻ thành phẩm

- Thông số chọn lọc: Lưu lượng, Bụi;

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại Ống thoát khí thải xưởng cưa xẻ.

- Toạ độ: X = 379533,36 m; Y = 1351920,00 m.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT-cột B; $K_p = 0,9$; $K_v = 1,4$.

c) Giám sát khí thải lò hơi

- Thông số chọn lọc: Lưu lượng, SO_2 , NO_2 , CO, Bụi, Nhiệt độ.

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại ống khói lò hơi.
- Toạ độ: X = 379521,75 m; Y = 1252034,00 m.
- Tần suất giám sát : 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT-cột B, $K_p = 0,9$; $K_v = 1,4$.

d) Giám sát nước thải

- Thông số chọn lọc: pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, Amoni, tổng Nitơ, Tổng Photpho, sắt, tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, Clo dư, Coliforms.

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại hồ ga trước khi đầu nối vào bể chứa nước tái sử dụng cho mục đích tưới cây.

- Toạ độ: X = 379488,38 m; Y = 1352017,88 m.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_f = 1,1$, $K_q = 0,6$.

Đ) Giám sát khác chất thải rắn, chất thải nguy hại

****Giám sát chất thải rắn:***

- Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý của chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, chất thải rắn sản xuất thông thường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Vị trí giám sát: Giám sát chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực kho chứa chất thải rắn sinh hoạt. Giám sát chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh trong công đoạn sản xuất.

- Tần suất giám sát: Giám sát liên tục hàng ngày.

****Giám sát chất thải nguy hại:***

- Thông số giám sát: tiến hành giám sát về thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: Giám sát liên tục hàng ngày.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6.2. Thiết kế chi tiết các hạng mục công trình xử lý môi trường, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; thực hiện hoàn chỉnh các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường. Dự án đầu tư phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp và các quy định có liên quan về môi trường và được lưu trữ, tận dụng, tái sử dụng cho hoạt động tưới cây.

6.3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai dự án; phải thu gom, quản lý, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại, mùi hôi ra môi trường xung quanh; hệ thống xử lý nước thải phải có hệ thống thu gom nước mưa để tránh nước mưa chảy tràn vào các hồ xử lý nước thải gây ra sự cố môi trường; phân định bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

Chỉ được tích nước trong hồ sự cố khi xảy ra các sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải.

6.4. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp, đảm bảo giảm thiểu hiệu quả tác động tiêu cực do chất thải và mùi hôi phát sinh từ hoạt động thu gom, quản lý chất thải sinh hoạt.

6.5. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường, bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo ngay cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.6. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình quản lý và giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu, hồ sơ quản lý và giám sát môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./